TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HN- ST
Ngày 25/3/2024
V/v: "Xin ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Hết

Bà Trần Thị Sẩm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Sương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày **25** tháng **3** năm **2024** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 61/2024/TLST-HN ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc "*xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69A/2024/QĐXXST-HN ngày 06/3/2024 và quyết định hoãn phiên toà số: 83/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2024 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Hồ Văn Le E, sinh 1968 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Trú tại: Ấp Tân Ng, xã Tân Tr, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

**** Bị đơn*:** Đào Thị T, sinh 1972 (vắng mặt không có ly do)

Trú tại: Ấp Tân Ng, xã Tân Tr, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông E trình bày:

Vào năm 1991 tôi và T đã tiến tới hôn nhân, vợ chồng không có đăng ký kết hôn tại uỷ ban nhân dân cấp có thẩm quyền. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp. Nay xin ly hôn với T.

Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Thị Mỹ Duyên, sinh năm 1992 và Hồ Văn Minh cảnh, sinh năm 1993 (các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết).

Tài sản chung: Tự thoả thuận giải quyết, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn Đào Thị T vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và cũng không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả T luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Ông E cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó ông khởi kiện. Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì ông E có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của ông E là T chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do khi đã được triệu tập xét xử hai lần hợp lệ. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, toà án vẫn tiến hàng xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Ông E, bà T kết hôn trên cơ sở tự tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục tập quán, ông, bà có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó hôn nhân của ông, bà không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng

[2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Hồ Thị Mỹ Duyên, sinh năm 1992 và Hồ Văn Minh Cảnh, sinh năm 1993, các con đã trưởng thành, ông E không yêu cầu giải quyết, nên không xE xét.

[3] Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xE xét.

[4] Nợ chung: Không có nên không xE xét.

[5] Ông E phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 8, 9, 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không công nhận ông Hồ Văn Le E và bà Đào Thị T là vợ chồng

Về con chung: Các con đã trưởng thành, ông E không yêu cầu giải quyết, nên không xE xét.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xE xét.

Nợ chung: Không có nên không xE xét.

Án phí: Ông E chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003878 ngày 22/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký